

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02/2022/KDTM - ST**

Ngày 16 tháng 8 năm 2022.

“V/v Tranh chấp hợp đồng

Mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khắc Dũng và ông Y Yao Bkrông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương, thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 02/2021/TLST – KDTM, ngày 04 tháng 8 năm 2021. Về việc *“Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐST-KDTM, ngày 14/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-KDTM ngày 29/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Hạt giống C.

Địa chỉ: Lô I đường số 1, KCN Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Wara R. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 11 năm 2021 có: Ông Lê Văn C, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 277, đường 30..., phường Q, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai. *(Có mặt)*

Bị đơn: Ông Dương Văn T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn 2..., xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *(Có mặt)*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lục Thị L.

Địa chỉ: Thôn 2..., xã C, huyện E, Đắk Lắk *(Vắng mặt không lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 30/6/2021 của nguyên đơn Công ty TNHH Hạt giống C, bản tự khai ngày 10/12/2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày: Công ty TNHH Hạt giống C (Gọi tắt là Công ty C) và ông Dương Văn T (Đại lý L T) có ký với nhau hợp đồng kinh tế số PB-DL/20/2019 vào ngày 28/01/2019.

Sau khi hợp đồng được ký kết thì các bên đã tiến hành mua bán phân bón với nhau nhiều lần và đã thanh toán dứt điểm. Tuy nhiên, ông Dương Văn T chưa trả khoản tiền phân bón theo hóa đơn số 0000775 là 99.000.000 đồng và hóa đơn số 0000777 cùng ngày 30/10/2019 với số tiền là 107.000.000 đồng, sau khi nhận phân bón theo hóa đơn số 0000777 thì ông Dương Văn T trả hàng và chuyển khoản trả 6.500.000 đồng, với tổng số hàng quy tiền và tiền đã trả là 81.400.000 đồng, số tiền còn nợ hóa đơn số 0000777 là 25.600.000 đồng. Tổng nợ 02 hóa đơn là 124.600.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khai rằng: Trước khi ký kết hợp đồng mua bán phân bón, Công ty C đã trực tiếp làm việc với ông Dương Văn T để thống nhất với nhau các điều khoản của hợp đồng mua bán phân bón. Sau khi thống nhất nội dung, điều khoản của hợp đồng, Công ty C soạn thảo hợp đồng và chuyển cho ông Dương Văn T coi, ông Dương Văn T đồng ý nội dung bản hợp đồng do Công ty C soạn thảo ký và chuyển lại cho Công ty C và hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty C và ông Dương Văn T được xác lập. Việc ký hợp đồng và giao nhận hàng giữa ông Dương Văn T và Công ty C không trực tiếp mà chỉ giao dịch thông qua điện thoại và cán bộ tiếp thị của Công ty C. Khi ông Dương Văn T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Công ty C đã cử cán bộ đến làm việc đối chiếu công nợ, ông T đã ký văn bản xác nhận số tiền còn nợ của công ty và cho rằng, do không rành về thủ tục giấy tờ nên ông T chỉ nhận, kiểm đếm số lượng hàng khi công ty giao. Dù ông T không ký tên trên hợp đồng, thì ông T vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu. Do vậy tôi yêu cầu Tòa án buộc ông Dương Văn T phải trả cho công ty C số tiền nợ hàng còn thiếu là 124.600.000 đồng.

Đối với tiền lãi chậm trả theo hợp đồng số PB-DL/2019 ngày 28/01/2019 các bên thỏa thuận với nhau với mức lãi suất 2%/tháng. Tại phiên tòa hôm nay tôi thay đổi nội dung này và chỉ yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo mức 1,325%/tháng từ ngày vi phạm cho đến ngày 31/7/2022. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

** Tại bản tự khai quá trình làm việc và tại phiên tòa, bị đơn ông Dương Văn T trình bày:* Tôi với bà Lục Thị L trước đây là vợ chồng (hiện chúng tôi đã ly hôn vào năm 2021). Trong thời gian còn sống chung, do bà Lục Thị L nói có nhu cầu làm ăn, nên năm 2016 tôi có làm thủ tục đăng ký hộ kinh doanh và được UBND huyện Ea Kar cấp Giấy chứng nhận kinh doanh mang tên B, địa chỉ: Thôn 2..., xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để bà Lục Thị L đứng ra mua bán phân bón, thức ăn gia súc, thuốc bảo vệ thực vật, do tôi (T) là đại diện hộ kinh doanh. Sau khi được cấp Giấy phép kinh doanh, thì vợ tôi (Lục Thị L) là người trực tiếp đứng ra giao dịch và ký kết mọi hợp đồng. Việc bà L ký hợp đồng kinh tế với Công ty C thì tôi không biết, tôi không ký bất cứ giấy tờ nào liên quan đến việc mua bán với Công ty C.

Trong khoảng thời gian tháng 9/2020 bà L gom tiền và bỏ đi theo trai, ngày 19/3/2021 phía Công ty C cử người đến làm việc xác nhận số tiền hàng còn nợ. Do bà Lục Thị L nhắn tin yêu cầu tôi viết theo tin nhắn của bà L, nên tôi viết đại theo nguyên văn tin nhắn. Thực chất tôi không có nợ ai.

Nay Công ty C khởi kiện yêu cầu tôi phải trả cho Công ty C số tiền nợ hàng còn thiếu là 124.600.000 đồng và lãi suất quá hạn phải trả theo hợp đồng kinh tế tính đến

ngày 31/7/2022 thì tôi không đồng ý. Tôi đề nghị Công ty C không tính tiền lãi chậm thanh toán và cho trả dần số tiền còn nợ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lục Thị L: Đã được tổng đạt niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Phản tranh luận:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày ý kiến tranh luận:

Sau khi phân tích các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của bị đơn ông Dương Văn T tại phiên tòa, ông Lê Văn C đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Dương Văn T phải trả số tiền nợ hàng còn thiếu là 124.600.000 đồng.

+Về lãi suất: Theo hợp đồng được ký giữa Công ty C và ông Dương Văn T các bên thỏa thuận với nhau lãi suất chậm thanh toán là 2%/ tháng/số tiền chậm trả. Tại phiên tòa, tôi thay đổi nội dung về tiền lãi, chỉ yêu cầu ông Dương Văn T trả cho Công ty C tiền lãi suất chậm trả là 1,325%/tháng từ ngày vi phạm cho đến ngày 31/7/2022.

- Bị đơn ông Dương Văn T cho rằng ông không ký hợp đồng mua bán phân bón với Công ty C, không đồng ý khoản nợ, nhưng xin Công ty C cho tiền lãi chậm trả và khoản nợ xin được trả dần.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến:

-*Về tố tụng:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều từ Điều 70 đến Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lục Thị Lan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các quyết định tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm các quy định tại Điều 70, 72, và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-*Về nội dung:* Sau khi phân tích các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 3, Điều 50, Điều 55 và 306 của Luật Thương mại. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Dương Văn T bà Lục Thị L phải trả cho Công ty C số tiền nợ hàng còn thiếu là 124.600.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh 1,325%/tháng từ ngày vi phạm cho đến ngày 31/7/2022 theo yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. *Xét về tố tụng:* Đây là vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm Công ty C khởi kiện, bị đơn ông Dương Văn T cư trú tại thôn 2..., xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lục Thị L vắng mặt lần thứ 2, không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử vắng mặt bà Lục Thị L theo quy định

[2]. *Xét về nội dung:*

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C buộc ông Dương Văn T trả số tiền phân bón còn nợ là 124.600.000 đồng.

Xét lời trình bày của Công ty C thấy rằng, từ ngày 28/01/2019 cho đến ngày 30/10/2019, Công ty C và cửa hàng Bảo Nguyên do ông Dương Văn T là chủ hộ kinh doanh đã xác lập giao dịch mua bán phân bón theo nội dung hợp đồng kinh tế số PB-DL/20/2019 ngày 28/01/2019 là có thực. Ông Dương Văn T cho rằng: Ông T không trực tiếp ký hợp đồng mua bán phân bón với Công ty C theo hợp đồng kinh tế số PB-DL/20/2019 ngày 28/01/2019, lời trình bày của ông Dương Văn T phù hợp với luận giám định số 56/KL-KTHS ngày 22/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk. Nhưng căn cứ vào bản tự khai ngày 10/12/2021 (BL 46, 81) thì ông Dương Văn T thừa nhận *“Ông là người đứng ra xin cấp và đứng tên trên Giấy phép kinh doanh nhưng vợ (Lục Thị L) là người đứng ra giao dịch và trực tiếp ký kết mọi hợp đồng”*. Tại phiên tòa ông T thừa nhận có biết bà Lục Thị L có mua bán và nhận phân bón với Công ty C. Mặc dù ông Dương Văn T không trực tiếp ký hợp đồng, nhưng các bên đã đồng ý xác lập thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết, như đã giao nhận hàng và thanh toán tiền theo nội dung của hợp đồng ngày 28/01/2019, chứng tỏ hợp đồng số PB-DL/20/2019 lập ngày 28/01/2019 đã được các bên chấp thuận và có hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán phân bón ngày 30/10/2019 Công ty C đã giao số lượng phân bón cho cửa hàng của ông Dương Văn T theo hóa đơn số 0000775 với số lượng, chủng loại phân bón quy thành tiền là 99.000.000 đồng và hóa đơn số 0000777 với số lượng, chủng loại phân bón thành tiền là 107.000.000 đồng. Trong 02 hóa đơn hàng trên, thì hóa đơn số 0000775 thể hiện chưa thanh toán được khoản tiền nào. Còn hóa đơn số 0000777 sau khi nhận hàng bà Lục Thị L trả lại một số lượng hàng và chuyển trả tiền mặt cho Công ty C là 6.500.000 đồng, tương đương số tiền 81.400.000 đồng, vì vậy hóa đơn hàng này còn nợ 25.600.000 đồng. Tổng cộng còn nợ Công ty C theo 02 hóa đơn trên là 124.600.000 đồng, việc này được ông Dương Văn T xác nhận trong giấy báo nợ chi tiết ngày 19/03/2021 và Giấy xin trả nợ dần do ông Dương Văn T là người trực tiếp viết (BL 43, 43a). Trong quá trình thu thập chứng cứ, ông Dương Văn T cho rằng việc ông thừa nhận khoản tiền còn nợ và viết Giấy xin trả nợ dần là thực hiện theo yêu cầu bà Lục Thị L là không có cơ sở. Bởi ông Dương Văn T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ, hơn nữa ông T xác nhận số tiền hàng còn nợ vào thời điểm sau khi ông Dương Văn T và bà Lục Thị L đã ly hôn. Do đó có căn cứ khẳng định, hộ kinh doanh của ông Dương Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua theo quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Thương mại 2005. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C về khoản tiền nợ này.

Tại thời điểm ông Dương Văn T đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và thời điểm ký hợp đồng mua bán phân bón với Công ty C thì giữa ông Dương Văn T và bà Lục Thị L đang là vợ chồng hợp pháp, ông Dương Văn T là đại

diện hộ gia đình trong việc đứng ra đăng ký kinh doanh. Theo quy định “*Hộ kinh doanh cá thể do cá nhân hoặc một nhóm người hoặc hộ gia đình làm chủ nếu chủ hộ kinh doanh cá thể là hộ gia đình....thì tất cả các thành viên đều phải có trách nhiệm về các khoản nợ của hộ kinh doanh*” Như vậy, mặc dù ông Dương Văn T cho rằng bà Lục Thị L là người trực tiếp giao kết, ông không biết, không liên quan. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kinh doanh, ông Dương Văn T là người đứng tên chủ hộ kinh doanh và ông T biết và đồng ý để cho bà Lục Thị L đứng ra thực hiện, xác lập giao dịch mua bán phân bón với Công ty C. Do đó tại thời điểm này, bà Lục Thị L là thành viên hộ gia đình đăng ký, thành lập và phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ. Nên buộc bà Lục Thị L phải có trách nhiệm cùng ông Dương Văn T trả cho Công ty C số tiền phân bón còn nợ là 124.600.000 đồng là phù hợp.

[2.2]. Xét yêu cầu về tiền lãi suất: Tại Điều 3, mục 3.2.2 của hợp đồng kinh tế số PB-DL/20/2019 được các bên ký kết vào ngày 28/01/2019 quy định: “*Trường hợp bên B thanh toán quá thời hạn trên hóa đơn thì các bên phải trả thêm lãi suất 2%/tháng trên tổng số tiền quá hạn thanh toán*”.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty C thay đổi rút một phần nội dung về tiền lãi suất và chỉ yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán là 1,325%/tháng (Tương đương 15,9%/năm) từ ngày chậm thanh toán cho đến ngày 31/7/2022. Xét thấy yêu cầu về tiền lãi suất chậm thanh toán của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty C là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Buộc ông Dương Văn T, bà Lục Thị L phải trả cho Công ty C, tiền lãi là 51.7488.358 đồng, cụ thể tiền lãi được tính như sau:

1.Theo hóa đơn số 0000775 ngày 30/10/2019, ngày vi phạm (đáo hạn) là ngày 29/12/2019. Do đó tiền lãi suất chậm thanh toán của số tiền 99.000.000 đồng từ ngày 30/12/2019 đến ngày 31/7/2022 là $(99.000.000 \text{ đồng} \times 15,9\%/năm \times 941 \text{ ngày}):365 = 40.581.592 \text{ đồng}$.

2.Theo hóa đơn số 0000777 ngày 30/10/2019, ngày vi phạm (đáo hạn) là ngày 29/11/2019. Do đó tiền lãi suất chậm thanh toán của số tiền 26.400.000 đồng từ ngày 29/11/2019 đến ngày 31/7/2022 là $26.400.000 \text{ đồng} \times 15,9\%/năm \times 971 \text{ ngày}):365 = 11.166.766 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền hàng chậm thanh toán và tiền lãi buộc ông Dương Văn T và bà Lục Thị L phải trả cho Công ty C là 178.148.358 đồng. Do ông Dương Văn T và bà Lục Thị L đã ly hôn, nên cần buộc ông Dương Văn T và bà Lục Thị L mỗi người phải trả cho Công ty C $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc và nợ lãi, cụ thể Buộc ông Dương Văn T phải trả 89.074.179 đồng, buộc bà Lục Thị L 89.074.179 đồng.

[3] Chi phí Giám định: Trong quá trình thu thập chứng cứ, ông Dương Văn T khẳng định chữ ký và chữ viết “Dương Văn T” trong hợp đồng kinh tế số PB-DL/20/2019, ngày 28/01/2019 không phải của ông Dương Văn T ký và viết ra, các bên đương sự không ai yêu cầu trưng cầu giám định. Xét thấy việc giám định là cần thiết cho việc giải quyết vụ kiện, cũng như để Công ty C chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ, Tòa án đã yêu cầu Công ty C nộp chi phí giám định. Tại kết luận giám định số 56/KL-KTHS ngày 22/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk chữ ký “Dương Văn T” trong hợp đồng

kinh tế số PB-DL/20/2019, ngày 28/01/2019 không phải do ông Dương Văn T ký và viết ra, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn lại khai, các bên không ký kết trực tiếp, mà sau khi Công ty C soạn thảo hợp đồng và chuyển cho ông T, nên không biết ai ký trong hợp đồng này. Do vậy Công ty C là người có lỗi, nên buộc Công ty C phải chịu chi phí giám định 6.900.000 đồng là phù hợp, được khấu trừ vào số tiền đã nộp.

[4] Xét quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C được chấp nhận, nên ông Dương Văn T, bà Lục Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nhưng ông Dương Văn T là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, nên được miễn toàn bộ tiền án phí sơ thẩm

Hoàn trả cho Công ty C.P.Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 162; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 50, Điều 55 và 306 của Luật Thương mại

- Điều 24, Điều 25, Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Hạt giống C

Buộc ông Dương Văn T và bà Lục Thị L phải trả cho Công ty TNHH Hạt giống C tổng số tiền 178.148.358 đồng. Trong đó tiền nợ hàng còn thiếu là 124.600.000 đồng; tiền lãi suất chậm trả đến ngày 31/7/2022 là 51.7488.358 đồng.

Cụ thể: Buộc ông Dương Văn T phải trả 89.074.179 đồng, buộc bà Lục Thị L phải trả 89.074.179 đồng. *(Tám mươi chín triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm bảy mươi chín đồng)*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Chi phí giám định: Buộc Công ty C phải chịu chi phí giám định 6.900.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp. (Đã nộp đủ)

Về án phí: Buộc bà Lục Thị L phải nộp (Lấy tròn số) 4.454.000 đồng *(Bốn triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, đồng)*. tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Dương Văn T được miễn toàn bộ tiền án phí KDTM sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Hạt giống C số tiền 4.249.200 đồng (*Bốn triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, hai trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0005479, ngày 02/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH Hạt giống C, bị đơn ông Dương Văn T, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lục Thị L được quyền kháng cáo bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án (Hoặc) kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Thi hành án DS huyện Ea Kar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Tuấn